



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 28/02/2019)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	8.000
2	Xà lách búp	4.000
3	Cải bắp tròn	10.000
4	Cải ngọt	9.000
5	Cải bẹ xanh	8.000
6	Rau muống nước	6.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	8.000
9	Rau quế	16.000
10	Bầu	9.000
11	Su su	3.000
12	Khoai lang bí	9.000
13	Cà chua	11.000
14	Bông cải xanh	13.000
15	Cà rốt	16.000
16	Củ cải trắng	5.000
17	Su hào	7.000
18	Đậu hà lan	55.000
19	Đậu cove trắng	15.000
20	Khoai tây hồng	20.000
21	Bí đỏ	7.000
22	Bí xanh	13.000
23	Khổ qua	18.000
24	Dưa leo	11.000
25	Đậu bắp	13.000
26	Cà tím	13.000

27	Ớt cay Batri	18.000
28	Chanh giấy	32.000
29	Tỏi	58.000
30	Hành lá (hành hương)	18.000
31	Ngò rí	13.000
32	Rau dền	8.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	16.000
2	Cam xoan	33.000
3	Quýt đường	43.000
4	Quýt tiêu	33.000
5	Bưởi da xanh	33.000
6	Bưởi năm roi	20.000
7	Xoài Đài Loan	11.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	75.000
9	Xoài ghép	9.000
10	Xoài cát chu	24.000
11	Táo xanh	12.000
12	Dưa hấu dài đỏ	11.000
13	Dưa hấu sọc	11.000
14	Nho đỏ Phan Rang	26.000
15	Thanh Long Bình Thuận	28.000
16	Thanh Long Long An	26.000
17	Đu đủ	9.000
18	Chôm chôm thái	
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	38.000
21	Nhãn huế	15.000
22	Nhãn xuong	93.000
23	Lồng mứt	18.000